

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC – TỈNH NGHỆ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Quang Hoà
- Ông Nguyễn Xuân Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc – tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị X, sinh năm 1965; Địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X: ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962; Địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1991; Địa chỉ: xóm H, xã K, huyện

N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2023, lời khai quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Ông bà ngoại của anh S là cụ Trần Văn N, sinh năm 1933 và cụ Võ Thị D, sinh năm 1940. Cụ N và cụ D có hai người con gồm bà Trần Thị T1 (mẹ anh S) và bà Trần Thị X. Quá trình chung sống 2 cụ tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 429, tờ bản đồ số 1, diện tích 600m² (trong đó có 200m² đất ở và 400m² đất vườn) có địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/11/1996 mang tên bà Võ Thị D. Đến ngày 01/6/2018 được cấp đổi lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 101105, thửa đất thay đổi số hiệu thành thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, diện tích 633,6m² đất ở tại xóm A, xã N (nay là xóm H, xã K), huyện N, tỉnh Nghệ An.

Do anh sống cùng ông bà ngoại từ khi còn nhỏ nên vào ngày 22/3/2012 đã được 2 cụ lập Di chúc giao lại đất đai cho anh. Cụ thể, trong Di chúc viết: *“...Toàn bộ tài sản có trên đất: Nhà lớn có diện tích: 198m² lợp ngói pô rô xi măng có công trình phụ. Hoa màu cây cối trong vườn nhà. Nay tôi lập di chúc này thừa kế lại cho cháu trai con gái đầu của vợ chồng tôi: Nguyễn Văn S, sinh ngày 29/9/1989. Quê quán: xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hộ khẩu thường trú: xóm A xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Mang CMND số 186662140 cấp ngày 10/8/2005.*

Diện tích đất thừa kế như sau: Đất ở: 360m² để cháu S làm nhà; Đất nhà thờ 198m² trong diện tích đất vườn của vợ chồng tôi để lại; Nghĩa vụ: Cháu S phải có trách nhiệm phụng sự ông bà khi ông bà còn sống. Có trách nhiệm hương khói khi ông bà qua đời và có quyền sử dụng mọi chế độ chính sách của ông bà. Khi xã hội quan tâm. Bìa đất ông bà sẽ chuyển nhượng sang tên cháu Nguyễn Văn S.”

Di chúc được ông bà ký, điểm chỉ và chứng thực tại UBND xã N. Trước khi mất, cụ N đã chỉ chỗ cất Di chúc cho anh và từ đó đến nay, anh là người giữ di chúc.

Năm 2013, anh được hai cụ cho đất làm nhà mái bằng, các công trình phụ khác trên thửa đất số 23 và trực tiếp sử dụng để ở cho đến nay. Tuy nhiên, đến năm 2014-2015, do chủ trương xây dựng đường nông thôn mới nên các cụ đã tự nguyện hiến một phần diện tích đất phía trước với diện tích là 24,6m². Anh cũng xây bờ tường rào theo ranh giới đất đã hiến nên tổng diện tích thực tế sử dụng chỉ còn lại là 609m².

Năm 2016 cụ N chết, cụ D chuyển sang sống chung cùng vợ chồng anh đến năm 2023 thì chết. Sau khi ông bà ngoại chết, anh đã thực hiện theo đúng di chúc và làm hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được các cụ để lại cho và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất nhà thờ theo đúng di nguyện nhưng di ruột của anh là bà Trần Thị X không đồng ý mà yêu cầu phần diện tích 198m² đất nhà thờ tách đôi ra cho bà X và bà T1 mỗi người đứng tên một nửa diện tích đất đó. Vì vậy, anh S yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo Di chúc lập ngày 22/3/2012 của cụ D cụ N đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, diện tích còn lại 609m² đất ở tại xóm A, xã N (nay là xóm H, xã K), huyện N, tỉnh Nghệ An. Anh đề nghị xác định phần đất anh được thừa kế 360m² đất ở là tại khu vực anh đã làm nhà vào năm 2013 (về phía Đông và B) và chấp nhận trừ 1 phần diện tích mà các cụ đã hiến để làm đường năm 2014 trước khu vực đất anh được thừa kế. Còn đối với diện tích đất 198m² để làm nhà thờ anh cũng đề nghị Tòa án phân định tại vị trí ngôi nhà cũ của ông bà anh (về phía Tây) và giao cho anh quản lý để thờ cúng như nguyện vọng của ông bà khi còn sống. Phần diện tích đất còn lại các cụ chưa di chúc cho ai, bà T1 yêu cầu Tòa án chia thì anh cũng không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu trích công sức bảo quản di sản. Đối với các công trình nhà cửa và vật kiến trúc của các cụ xây dựng thì anh không yêu cầu phân chia mà đề nghị giữ lại để làm di sản thờ cúng. Anh S chấp nhận chịu chi phí tố tụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị X và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:* cha mẹ bà X là cụ Trần Văn N (thương binh mất sức 81% và sau này do vết thương tái phát, chết năm 2016 và được công nhận là liệt sỹ) và mẹ là cụ Võ Thị D (chết tháng 03/2023) sinh được 2 người con gái là bà Trần Thị T1 và bà Trần Thị X. Khi cha mẹ còn sống, 2 bà đều lập gia đình, ra ở riêng. Do cha mẹ không có con trai nên gia đình bà T1 và bà X thường xuyên qua lại thăm nom, chăm sóc cả cha mẹ cho đến khi cả cha mẹ chết.

Cha mẹ bà X có thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 diện tích 633,6m² tại xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện N cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Võ Thị D vào ngày 01/6/2018. Tuy nhiên, từ năm 2014, các cụ đã hiến 24,6m² đất làm đường giao thông nông thôn nên diện tích thực tế chỉ còn lại là 609m² nữa.

Ngày 05/01/2012 âm lịch, các cụ gọi bà T1 và bà X đến họp gia đình và thống nhất: đã bán 1 phần đất phía sau (bán năm 2002 cho anh T2 được 11.000.000 đồng và anh T2 đã được cấp Giấy từ lâu) để xây nhà thờ; cho cháu S (con trai bà T1) 300m² đất để cháu S làm nhà trên đất; phần còn lại thì để làm nhà thờ và cho các cháu con bà X. Cụ N viết giấy rời cho mọi người trong gia đình ký vào và đưa cho bà T1 giữ. Lúc này, các cụ vẫn khỏe mạnh, minh mẫn.

Sau này, cha bà X đau ốm liên miên vì vết thương tái phát. Trong quá trình nằm viện, cha cũng nói với bà X là cha sai rồi nhưng không nói cụ thể gì nữa khác. Tình cảm gia đình vẫn rất tốt đẹp. Sau khi cụ ông chết thì bà T1 nói bà X ký giấy tờ để cho cháu S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 360m² đất và nói là có Di chúc của cha mẹ để lại cho cháu S cả mà không chia cho bà X. Lúc đó do mẹ con bà T1 gây khó dễ cho cụ D nên cụ D cũng bảo bà X hãy ký vào giấy tờ để cho cháu S sang tên bìa đất nhưng bà X không đồng ý ký.

Bà X được anh S đưa cho 01 bản sao chứng thực Bản Di chúc ngày 22/3/2012 của các cụ nhưng theo ông bà thì Di chúc này không hợp pháp bởi các lý do:

Thứ nhất, tại thời điểm lập di chúc, các cụ trong trạng thái tinh thần không minh mẫn, cụ ông bị mất sức 81%, thương binh nặng, đã từng mổ não 2 lần; cụ bà tuổi già nên các cụ không đủ sức khỏe và tỉnh táo để lập di chúc. Lúc lập di chúc không có người làm chứng, không biết được địa điểm lập di chúc ở đâu, di chúc không có ngày tháng rõ ràng. Khi Ủy ban nhân dân xã N chứng thực không có giấy chứng nhận sức khỏe của các cụ; thời điểm chứng thực di chúc ông Nguyễn Mạnh H và ông Nguyễn Thái H1 không biết được tình trạng sức khỏe của cụ N là mới đi mổ não hai lần về.

Thứ hai, các trang của tờ di chúc thì không có đánh số thứ tự, trang thứ nhất không có ký tên, điểm chỉ của 2 cụ.

Thứ ba, ở trang thứ nhất có sự sai lệch về diện tích đất (cụ ông viết là 200m² đất ở và 400m² đất vườn nhưng viết tổng lại là 629m²).

Thứ tư, ở trang thứ hai khi định đoạt diện tích đất theo di chúc thì chỉ ghi 360m², 198m² mà không ghi bằng chữ; không ghi kích thước mỗi phần đất rộng dài cụ thể ra sao.

Thứ năm, khi viết định đoạt diện tích đất chia theo di chúc thì lại viết bằng 02 loại mực nên có thể đây là do có người nào đó đứng ra chỉ đạo cụ N viết (chắc ban đầu cụ N không có ý viết diện tích như thế này). Có thể di chúc đã được dừng lại rồi sau này mới viết tiếp.

Thứ sáu, sau khi cháu S tiếp nhận di chúc thì không có biên bản giao nhận, không có người làm chứng, trong di chúc có ghi được lập 02 bản nhưng hiện nay một bản nằm ở đâu thì không rõ nguyên nhân, không có biên bản sao lại thì bản di chúc cháu S cung cấp không có giá trị pháp lý.

Nếu Tòa án xác định di chúc là hợp pháp thì bà X yêu cầu phần đất còn lại sẽ chia cho 2 chị em X và T1 theo quy định của pháp luật. Còn phần đất theo di chúc cũng phải được trừ cả phần diện tích đã hiến đất làm đường theo tỷ lệ mỗi bên được hưởng. Riêng ngôi nhà và các công trình trên đất của 2 cụ thì không phân chia mà giữ nguyên để thờ cúng.

Nếu Tòa án không chấp nhận di chúc thì chị em bà X sẽ tự phân chia. Nếu không thống nhất phân chia được thì sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về chia thừa kế. Còn 198m² đất làm nhà thờ thì phải giao cho bà T1 và bà Xuân sở h chung mà không giao cho anh S.

- *Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên toà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 trình bày:* cha mẹ bà là cụ N và cụ D sinh được 2 người con gái là bà và bà X. Cha bà chết năm 2016, mẹ bà chết năm 2023.

Cha mẹ tạo dựng được tài sản chung là thửa đất số 429, tờ bản đồ số 1, diện tích 600m² (trong đó có 200m² đất ở và 400m² đất vườn) có địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/11/1996 mang tên bà Võ Thị D. Ngày 01/6/2018 được cấp đổi lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 101105, thửa đất thay đổi số hiệu thành thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, diện tích 633,6m² đất ở tại xóm A, xã N (nay là xóm H, xã K), huyện N, tỉnh Nghệ An và một ngôi nhà cấp 4 một gian tọa lạc trên thửa đất.

Ngày 22/3/2012, thời điểm đó cha mẹ bà còn rất minh mẫn có lập di chúc cho con trai bà là Nguyễn Văn S một phần diện tích đất 360m² để làm nhà ở do S ở cùng cha mẹ từ khi còn đang nhỏ. Sau đó S đã làm nhà và ở cùng với ông bà ngoại trên thửa đất cho đến nay. Di chúc do cha bà trực tiếp viết tay thành hai bản, có điểm chỉ và chữ ký của cha mẹ bà phía dưới. Di chúc được lập trước sự chứng kiến của cán bộ tư pháp là ông Nguyễn Thái H1 và Phó chủ tịch UBND xã N đó là ông Nguyễn Mạnh H và di chúc được chứng thực tại UBND xã N. Di chúc được lập thành 02 bản, S giữ một bản còn một bản được lưu tại UBND xã N (nay là xã K). Theo nội dung di chúc của cha mẹ thì: Phần diện tích 198m² trong diện tích đất vườn của cha mẹ để lại làm nhà thờ; phần diện tích 360m² đất ở để cháu S làm nhà. Cháu S phải có trách nhiệm phụng sự ông bà khi ông bà còn sống và có trách nhiệm hương khói khi ông bà qua đời.

Sau khi cha mẹ chết, cháu S đã thực hiện theo đúng di chúc của cha mẹ và đã làm hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được cha mẹ tặng cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất nhà thờ theo Di chúc nhưng vì bà X gây khó khăn nên không thể làm được. Nay cháu S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21, diện tích 633,6m² đất ở tại xóm A, xã N (nay là xóm H, xã K), huyện N, tỉnh Nghệ An của cha mẹ bà theo Di chúc được Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã K) chứng thực ngày 22/3/2012 thì bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cháu S.

Đối với phần diện tích đất còn lại 75,6m² thì năm 2014 và năm 2015 Ủy ban nhân dân xã N cũ có chủ trương mở đường giao thông thôn đi qua thửa đất

gia đình sử dụng nên cha mẹ bà đã tự nguyện hiến phần diện tích 24,6m² đất trong thửa đất 23 để làm đường. Vì vậy, tổng diện tích đất còn lại của cha mẹ chỉ còn 609m² nữa, sau khi trừ đi diện tích đất đã định đoạt theo di chúc thì vẫn còn 51m² đất nữa và bà đề nghị Tòa án phân chia diện tích đất này cho bà và bà X theo quy định của pháp luật. Riêng ngôi nhà và các công trình kiến trúc của 2 cụ thì bà đề nghị không phân chia mà giữ nguyên để thờ cúng.

Về Biên bản họp gia đình như trình bày của ông T bà X thì bà không giữ, bà đề nghị thực hiện theo Di chúc của cha mẹ bà năm 2012.

- *Lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:* chị kết hôn với anh S từ năm 2015 và về sống trong ngôi nhà anh S xây trên thửa đất 23 của các cụ. Sau khi cụ N chết, cụ D chuyển sang ở cùng với anh chị đến năm 2023 thì cụ chết. Quá trình sinh sống, anh chị có xây thêm 01 tầng phía trên ngôi nhà cũ năm 2013 của anh S xây. Khi các cụ còn sống đã lập di chúc để lại 1 phần đất cho chồng chị và nay anh S khởi kiện chia thừa kế thì chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S và bảo vệ quyền lợi về tài sản trên đất cho vợ chồng chị còn chị cũng không yêu cầu trích công sức bảo quản di sản.

- Người làm chứng ông Nguyễn Thái H1 và ông Nguyễn Mạnh H trình bày: năm 2012, cụ N và cụ D có lên UBND xã N xin chứng thực DI CHỨC. Thời điểm chứng thực DI CHỨC của các cụ, ông H1 (nguyên công chức tư pháp), ông H (nguyên phó chủ tịch UBND xã) trực tiếp chứng kiến cụ N viết DI CHỨC và cùng với cụ D ký tên, điểm chỉ trước mặt 2 ông. DI CHỨC được lập thành 2 bản trong đó UBND xã N giữ 01 bản nhưng vì sau này, phần thì do sát nhập 2 xã (N, Nghi Khánh thành K) phần vì các ông đã nghỉ hưu nên không biết việc lưu trữ như thế nào. Thời điểm chứng thực, các cụ đều minh mẫn sáng suốt và có đăng ký trong Sổ chứng thực của xã.

Xác minh tại UBND xã K có kết quả: tại Sổ chứng thực Di chúc, từ chối nhận di sản quyền số 01 (năm 2012), số thứ tự 02 ngày 22/3/2012 có phản ánh nội dung Người yêu cầu chứng thực là Trần Văn N và Võ Thị D, loại việc chứng thực là Di chúc; nội dung tóm tắt: chứng thực di chúc thừa kế đất ở cho cháu ngoại Nguyễn Văn S, hộ khẩu thường trú xóm A xã N, N, Nghệ An. Tuy nhiên, tại UBND xã K hiện không còn lưu giữ bản sao DI CHỨC của các cụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: sau khi trừ đi phần diện tích đất cụ N, cụ D đã hiến làm đường giao thông nông thôn từ năm 2014- 2015 thì chia thừa kế theo di chúc cho anh S 360m² đất ở, giao cho anh S quản lý 198m² đất ở di sản thờ cúng và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T1, chia phần diện tích đất còn lại cho bà T1 và bà X theo quy định của pháp luật. Về án phí, chi phí tố tụng: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp thừa đất 23, tờ bản đồ số 21 tại xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền theo lãnh thổ.

Bị đơn yêu cầu người làm chứng phải có mặt tại phiên tòa nhưng do những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng là đúng quy định tại Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xác định di sản thừa kế:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 457100 do UBND huyện N cấp ngày 15/11/1996 cho chủ sử dụng Võ Thị Dinh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp đổi) số phát hành CO 101105 do UBND huyện N cấp cho chủ sử dụng Võ Thị Dinh ngày 01/6/2018 thì Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định: trong thời kỳ hôn nhân, cụ Trần Văn N và cụ Võ Thị D đã tạo lập được thừa đất số 429, tờ bản đồ số 1, diện tích 600m² (trong đó có 200m² đất ở và 400m² đất vườn) có địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Do đặc bản đồ địa chính, sát nhập đơn vị hành chính cấp xã và thực hiện chủ trương hiến đất mở đường nông thôn, thừa đất của vợ chồng cụ N – Dinh đổi số hiệu là thừa số 23, tờ bản đồ số 21 thuộc xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An với diện tích sử dụng thực tế là 609m² đất ở do anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Thanh L đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Trên phía Đông và B của thừa đất có ngôi nhà và các công trình kiến trúc khác (sân, mái tôn che, bờ tường bao, cổng, công trình phụ) do anh S xây dựng từ năm 2013 và sửa chữa, tôn tạo vào năm 2021 cùng chị L.

Trên phía Tây của thừa đất có ngôi nhà cũ + sân + cổng + bờ tường bao là tài sản của vợ chồng cụ N cụ D tạo lập khi các cụ còn sống, hiện đang sử dụng làm nơi thờ cúng các cụ.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Di chúc.

Nguyên đơn xuất trình bản gốc và bản sao có chứng thực của tài liệu “DI CHỨC” do UBND xã N (nay được sát nhập thành UBND xã K) chứng thực ngày 22/3/2012. Như vậy, đây là loại di chúc có chứng thực theo quy định tại Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bản DI CHỨC được viết trên mẫu sẵn (mẫu 57/DC theo quy định tại Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006 về hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất). Mẫu 57/DC là 01 tờ giấy khổ A3 với nội dung DI CHỨC thể hiện trên 02 mặt + lời chứng thực của người có thẩm quyền thể hiện trên 01 mặt. Tại phần nội dung, mục “Người lập di chúc” có chữ ký và điểm chỉ của cụ Trần Văn N và Võ Thị D. Theo mẫu thì các trang không đánh số thứ tự nên DI CHỨC không đánh số thứ tự trang không phải là sai phạm như ý kiến của ông T, bà X.

Các đương sự đều khẳng định: chữ viết, chữ ký trong DI CHỨC là chữ viết của cụ Trần Văn N và cụ Võ Thị D. Theo lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Thái H1 (nguyên công chức tư pháp xã N) và ông Nguyễn Mạnh H (nguyên chủ tịch UBND xã N) thì thời điểm chứng thực DI CHỨC, cụ N đã trực tiếp viết rồi cả cụ N, cụ D đều ký, điểm chỉ ngay trước mặt các ông. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định: DI CHỨC được chứng thực ngày 22/3/2012 là do cụ Trần Văn N trực tiếp viết; cụ N, cụ D đã ký và điểm chỉ vào mục “Người lập di chúc”; việc cụ N, cụ D chỉ ký vào 01 trang trên tổng thể tờ giấy A3 là phù hợp.

Bà X và ông T cho rằng, năm 2011 cụ N đã 02 mổ não, cụ D thì tuổi già nên thời điểm viết di chúc các cụ không minh mẫn và nộp Bệnh án phẫu thuật dẫn lưu máu tụ dưới màng cứng vùng trán thái dương đỉnh phải ngày 06/5/2011. Tuy nhiên, theo các Bệnh án thì cụ N khi xuất viện đều trong tình trạng ổn định và khi viết Di chúc, cụ N còn ghi đầy đủ dữ liệu họ tên, năm sinh, địa chỉ, chứng minh thư nhân dân, tình trạng pháp lý thửa đất, người được hưởng di sản, di sản thờ cúng và trách nhiệm của người hưởng di sản. Còn cụ D lúc này 72 tuổi (sinh năm 1940), 11 năm sau mới chết; sau khi cụ ông chết, cụ D còn đứng tên trong các giấy tờ xin chế độ liệt sỹ cho cụ N. Bà X, ông T đều trình bày trước khi chết, các cụ đều rất minh mẫn và trước đó gần 02 tháng, vào ngày 05/01/2012 âm lịch (tức ngày 27/01/2012 dương lịch), các cụ còn tổ chức họp gia đình để phân chia thửa đất của các cụ. Như vậy, việc bà X, ông T nghi ngờ về tình trạng sức khỏe tâm thần, tình trạng minh mẫn của các cụ là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử xác định: thời điểm lập DI CHỨC, cụ N, cụ D đều minh mẫn, sáng suốt.

Khi viết DI CHỨC, cụ N ghi nhầm tổng cộng diện tích (ghi thành 629m²) song cụ ghi thửa đất 429 của các cụ có 200m² đất ở và 400m² đất vườn là đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên sự nhầm lẫn này không ảnh hưởng gì đến tổng tài sản của các cụ. Thêm vào đó, khi định đoạt để lại thừa kế cho anh S 360m² đất để anh S làm nhà và 198m² đất nhà thờ trong tổng diện tích đất của các cụ thì cũng không có bất kỳ quy định nào bắt buộc cụ N phải viết bằng chữ diện tích đất thừa kế. Việc sử dụng loại mực khi ghi diện tích đất (360m², 198m²) có màu đậm hơn so với tổng thể DI CHỨC cũng không chứng minh được việc cụ N viết vào 2 thời điểm khác nhau hoặc bị người khác tác động vào như trình bày của bị đơn.

Mặc dù, trong DI CHỨC, cụ N không ghi rõ kích thước tứ cận cụ thể của phần đất thừa kế cho anh S làm nhà và phần đất nhà thờ nhưng căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng đất và nội dung mô tả tài sản

có trên đất trong DI CHÚC thì có cơ sở để xác định: phần đất nhà thờ là phần đất phía Tây nơi khu vực có nhà + công trình phụ của các cụ (ghi 198m²) còn phần đất các cụ cho anh S được thừa kế (ghi 360m²) là phần đất phía Đông và B nơi có nhà + công trình kiến trúc khác anh S xây dựng từ năm 2013 với sự cho phép của các cụ.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định: DI CHÚC của cụ Trần Văn N và cụ Võ Thị D lập và được chứng thực ngày 22/3/2012 tại UBND xã N (nay là xã K), huyện N, tỉnh Nghệ An là hợp pháp và được sử dụng làm căn cứ để phân chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Phần thừa kế anh S được phân chia trong thửa đất số 23 là 360m² đất về phía Đông và phía Bắc còn phần đất nhà thờ được phân định ở phía Tây nơi có ngôi nhà cũ của các cụ. Tuy nhiên, năm 2014, do các cụ tự nguyện hiến đất làm đường nên sau khi tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa thực tế sử dụng và giấy chứng nhận thì phần diện tích phía Nam giáp đường thuộc kỹ phần của anh S bị giảm đi 5,7 m² và phần diện tích phía Nam giáp đường của khu vực đất có khuôn viên nhà cũ của các cụ bị giảm đi 18,9m². Các đương sự chấp nhận việc giảm diện tích đất theo số liệu này nên cần chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chia cho anh S được thừa kế 354,3m² đất trị giá 3.540.300.000 đồng. Riêng diện tích đất thờ cúng đã được các cụ định đoạt là 198m², các đương sự không có quyền thỏa thuận cắt bớt vì vậy, phần diện tích đất các cụ hiến làm đường không được trừ vào diện tích đất thờ cúng đồng thời theo chỉ định trong DI CHÚC, Hội đồng xét xử giao cho anh S quản lý 198m² đất vào mục đích thờ cúng. Bà T1, bà X được quyền thực hiện việc thờ cúng tại khu vực đất thờ cúng theo quy định.

Phần đất phân chia cho anh S không ảnh hưởng đến các tài sản gắn liền trên đất mà anh S và chị L đã tạo lập nên quyền lợi của chị L không bị ảnh hưởng. Anh S, chị L không yêu cầu giải quyết các tài sản trên đất, không yêu cầu trích công sức nên không xem xét.

[2.3]. Xét yêu cầu độc lập của bà Trần Thị T1 về việc phân chia thừa kế diện tích đất còn lại.

Tại DI CHÚC, cụ N và cụ D chỉ định đoạt số diện tích 558m² và theo thực tế sử dụng thì số diện tích định đoạt là 354,3m²+198m²=552,3m²; số diện tích đất còn lại sau khi trừ đi phần diện tích hiến đường phía Tây Nam là 18,9m² thì còn 56,7m² có trị giá 560.700.000 đồng thuộc di sản chưa được định đoạt theo Di chúc nên người thừa kế theo pháp luật của 2 cụ (bà T1) có quyền yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

Do hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của các cụ chỉ có bà T1 và bà X nên mỗi bà được hưởng ½ là 28,35m² đất trị giá 280.350.000 đồng. Tuy nhiên, diện tích đất này dưới mức tối thiểu theo quy định về hạn mức đất ở nông thôn tại Quyết định số 28/2021/QSD-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh N nên không thể tách thửa được. Bà T1 có nguyện vọng được nhận bằng hiện vật và muốn nhập phần đất thừa kế của mình vào phần đất anh S được hưởng thừa kế còn bà nhận lại trị giá đất từ anh S. Riêng bà X yêu cầu nhận hiện vật riêng

nhưng do 28,35m² đất không đảm bảo cho việc sử dụng; bà X cũng đã có nơi ở tại xóm H, xã K, vì vậy, cần giao cho anh S sử dụng kỹ phần của bà X và buộc anh S phải hoàn lại cho bà X 280.350.000 đồng tiền chênh lệch do nhận quá tài sản. Như vậy, tổng diện tích đất anh S được sử dụng là 411m².

Tuy nhiên, trên phần đất thờ cúng còn có 5,9m² chuồng chăn nuôi do vợ chồng anh S tạo lập nên anh S, chị L có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời để thực hiện nghĩa vụ quản lý di sản thờ cúng.

[2.2]. Về các chi phí tố tụng: Nguyên đơn chấp nhận chịu, không yêu cầu Toà án giải quyết chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Vấn đề khác: các đương sự đồng thuận đề nghị không phân chia tài sản gắn liền trên đất và giữ lại ngôi nhà cũ + công trình phụ trợ của các cụ để tiếp tục sử dụng vào mục đích thờ cúng là hoàn toàn phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 24,6m² đất tại thửa 23 do cụ N, cụ D tự nguyện hiến làm đường giao thông nông thôn từ năm 2014-2014 thì kiến nghị UBND xã K tiếp tục hoàn thiện các thủ tục theo quy định.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần thừa kế được hưởng là 102.806.000 đồng.

Bà T1 là người cao tuổi, bà X và bà T1 là thân nhân liệt sỹ, thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn đề nghị nên Hội đồng xét xử cho miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 650 của Bộ luật Dân sự 2005;

Điều 623, 624, 645, 659 của Bộ luật Dân sự.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1:

Chia thừa kế theo DI CHỨC của cụ Trần Văn N – cụ Võ Thị D 552,3m² đất và chia thừa kế theo pháp luật 56,7m² đất tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 21 thuộc xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện N cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy CH01291/2018, số phát hành CO 101105 ngày 01/6/2018 mang tên chủ sử dụng Võ Thị Dinh như sau:

- Chia 198m² đất ở làm di sản thờ cúng và giao cho anh Nguyễn Văn S được quyền quản lý, đăng ký đất đai mang tên anh S theo quy định của pháp luật, được ký hiệu trên sơ đồ là S1 và định vị như sau:

Phía Đông Bắc giáp phần đất phân chia cho anh S, kích thước 18,56m.

Phía Đông Nam giáp phần đất đã hiến làm đường giao thông nông thôn (ký hiệu là S4) kích thước 4,14m+6,13m.

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 24 và thửa đất số 33, kích thước 3,01m+15,35m+0,59m+1,81m+1,12m.

Phía Tây Bắc giáp phần đất phân chia cho anh S, kích thước 8,96m.

Bà T1, bà X, anh S được quyền sử dụng chung 198m² đất nêu trên và sở hữu chung 01 ngôi nhà via tầng đa diện tích 27m² xây năm 1998 + 33,3m² sân lát vữa ximang xây năm 1988 + bờ tường bao phía Nam và phía Tây xây năm 2002 là các tài sản do cụ N, cụ D tạo lập để thờ cúng theo phong tục tập quán.

Anh S, chị L có nghĩa vụ tháo dỡ 5,9m² chuồng chăn nuôi trên phần đất thờ cúng để thực hiện nghĩa vụ quản lý di sản thờ cúng.

- Chia cho anh S 354,3m² đất ở trị giá 3.540.300.000 đồng.

- Chia cho bà Trần Thị T1 28,35m² đất ở trị giá 280.350.000 đồng.

- Chia cho bà Trần Thị X 28,35m² đất ở trị giá 280.350.000 đồng.

Nhập 28,35m² đất ở kỷ phần thừa kế của bà T1 và 28,35m² đất ở kỷ phần thừa kế của bà X kỷ phần thừa kế của anh S để giao cho anh S sử dụng tổng diện tích 411m² đất ở được ký hiệu trên sơ đồ là S2 và định vị như sau:

Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 19, kích thước 20,73m.

Phía Tây Nam giáp thửa đất số 24 kích thước 0,52m+12,63m; giáp phần đất di sản thờ cúng kích thước 8,96m+18,56m.

Phía Đông Nam giáp phần đất đã hiến làm đường giao thông nông thôn (ký hiệu là S3) kích thước 9,48m.

Phía Đông Bắc giáp thửa đất số 20 kích thước 8,97m+15,82m.

Nhưng anh S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị T1 280.350.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn), hoàn trả cho bà Trần Thị X 280.350.000 (Hai trăm tám mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng tiền chênh lệch do nhận quá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sơ đồ phân chia thừa kế được thể hiện như sau:

Anh S có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục tách thửa, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị UBND xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An hoàn thiện thủ tục hiến 24,6m² đất làm đường giao thông nông thôn tại thửa đất số 23 theo quy định của pháp luật.

[2]. Về chi phí tố tụng: không giải quyết.

[3]. Về án phí: Miễn án phí cho bà Trần Thị T1, bà Trần Thị X.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 102.806.000 (Một trăm linh hai triệu tám trăm linh sáu ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.750.000 đồng tại Biên lai thu số 0010178 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc phát hành ngày 22/11/2023. Anh S còn phải nộp số tiền án phí là 96.110.000 (Chín mươi sáu triệu một trăm mười ngàn) đồng.

[4]. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Nghi Lộc;
- Chi cục THADS H. Nghi Lộc;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LUU THỊ HỒNG THỂ